

Số 9/2021/CV-VPPA

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2021

Văn góp ý Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

Kính gửi: - Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Tổng cục Môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường

Ngành công nghiệp giấy trên thế giới cũng như tại Việt Nam trong vòng vài thập kỷ qua đã có nhiều thay đổi, quy mô sản xuất mở rộng, các doanh nghiệp có xu hướng chuyển từ sử dụng nguyên liệu nguyên sinh sang sử dụng nguyên liệu thứ cấp. Do nguồn nguyên liệu giấy phế liệu thu gom trong nước không đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất, nên các doanh nghiệp đã tăng cường nhập khẩu giấy phế liệu từ nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất.

Thực tiễn nhập khẩu, giám sát thực tế và kiểm định nguyên liệu giấy thu hồi nhập khẩu của các tổ chức giám định và của các cơ quan quản lý môi trường nhà nước, cơ quan hải quan, của các doanh nghiệp sản xuất giấy trong nhiều năm qua đã có nhiều thay đổi và hầu như không phát hiện ra các sai phạm lớn ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường.

Ngày 20/10/2020 Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam đã gửi văn bản số 27/2020/CV-VPPA góp ý về dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với phế liệu giấy nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (QCVN33:2020) (kèm theo bản dự thảo đề xuất của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam). Đối chiếu với nội dung của bản dự thảo đưa ra thẩm định ngày 29/7/2021, chúng tôi nhận thấy các ý kiến góp ý của Hiệp hội Giấy và Bột giấy chưa được xem xét, bổ sung trong bản dự thảo mới, nhưng Hiệp hội cũng chưa nhận được ý kiến trao đổi, phản hồi từ ban soạn thảo là tại sao các ý kiến đó lại không được xem xét hoặc trao đổi. Nay Hiệp hội Giấy và Bột giấy tiếp tục gửi tới Vụ Pháp chế, Tổng Cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường một số ý kiến góp ý về dự thảo QCVN 33:2021 như sau:

1. Ý kiến chung:

“Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với giấy phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất” là quy chuẩn về môi trường, không liên quan đến tiêu chuẩn hàng hóa, bởi vậy đề nghị tập trung vào các quy định, quy chuẩn về môi trường, không đi sâu vào các quy định, quy chuẩn chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

Trên thế giới việc buôn bán, trao đổi giấy phế liệu đều được phân loại theo tiêu chuẩn thương mại, giấy phế liệu sau khi thu gom, phân loại theo các tiêu chuẩn thương mại và nhóm mã HS đều được các nước phát triển coi là nguyên liệu thô (thứ cấp), được giao dịch

trao đổi và buôn bán như loại hàng hóa thông thường. Các nước phát triển như Mỹ, Nhật, châu Âu đều là những nước xuất khẩu giấy phế liệu về Việt Nam và đều có những tiêu chuẩn cụ thể, áp dụng cho từng mã HS.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 28/2020/QĐ-TTg về danh mục các loại giấy phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, trong đó mã HS 4707.90.00 chỉ được phép nhập khẩu đến hết ngày 31/12/2021, bởi vậy quyết định 28/2020/QĐ-TTg là căn cứ chính cho việc nhập khẩu giấy phế liệu làm nguyên liệu sản xuất tại Việt Nam.

Quy chuẩn kỹ thuật là văn bản pháp quy, bởi vậy ngôn ngữ quy chuẩn cần ngắn gọn, dễ hiểu, tránh có những hiểu lầm hoặc sai nghĩa của cơ quan soạn thảo.

2. Ý kiến cụ thể về Dự thảo QCVN 33:2021

Phần 2. Quy định kỹ thuật

Đề nghị bỏ cả Điều 2.1. Do phế liệu giấy nhập khẩu là loại hàng hóa đã được phân loại riêng biệt theo từng mã HS và theo tiêu chuẩn thương mại quốc tế, lại thuộc Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Hơn nữa, các quy định trong phần này không ảnh hưởng tới môi trường mà ảnh hưởng tới quá trình vận chuyển, bốc xếp và chất lượng sản phẩm của các đơn vị nhập khẩu về làm nguyên liệu cho sản xuất.

Đề nghị bỏ Khoản 2.4.1. Hoá chất, chất dễ cháy, chất dễ nổ, chất thải y tế nguy hại. Vì nội dung này đã bao gồm tại Khoản 2.4.3.

Đề nghị bỏ Khoản 2.4.2. Vật liệu chứa hoặc nhiễm chất phóng xạ vượt quá mức miễn trừ quy định tại QCVN 05:2010/BKHCN - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - miễn trừ khai báo, cấp giấy phép được ban hành theo Thông tư số 15/2010/TT-BKHCN ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. Vì chất phóng xạ là chất được quản lý nghiêm ngặt của tất cả các quốc gia trên thế giới. Việc nhiễm phóng xạ vượt mức quy định của đất, nước, đồ vật... đều được kiểm soát và cảnh báo. Bởi vậy việc giấy qua sử dụng, giấy phế liệu đều được thu gom từ môi trường sinh hoạt, từ quá trình sản xuất, phân loại, gia công, in ấn... thì không thể nhiễm chất phóng xạ và trong thực tế nhập khẩu và lấy mẫu kiểm tra qua nhiều năm chưa từng phát hiện có nhiễm chất phóng xạ;

Khoản 2.4.3. Tạp chất nguy hại. Đề nghị quy định cụ thể là những loại tạp chất gì và phương pháp thử để xác định các tạp chất này.

Phần 3 – Phương pháp kiểm tra, giám định

Đề nghị bổ sung và chỉnh sửa như sau:

Tiết b, Khoản 3.1.1. Việc kiểm tra, giám định tại hiện trường phải bao gồm các công việc sau:

- Đề nghị nên chỉnh sửa lại nội dung: Kiểm tra một số thông số bằng thiết bị đo nhanh tại hiện trường (đối với trường hợp phải thực hiện đo nhanh tại hiện trường) – chỉnh sửa thành: Kiểm tra độ ẩm bằng thiết bị đo nhanh... Vì tại hiện trường chỉ có thể áp dụng biện pháp và sử dụng thiết bị đo nhanh độ ẩm.

- Đề nghị xem xét bỏ nội dung: - Kiểm tra tỷ lệ tạp chất: xác định loại tạp chất đi kèm, ước lượng tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng tạp chất đi kèm. Vì để xác định được tạp chất thì phải lấy mẫu đại diện và phải có thiết bị, dụng cụ thử nghiệm.

- Đề nghị bỏ nội dung: Kiểm tra tỷ lệ các loại phế liệu giấy có mã HS khác (quy định tại Mục 2.1.3 dự thảo Quy chuẩn này). Vì đã đề nghị bỏ Điều 2.1 ở trên.

- Đề nghị chỉnh sửa Khoản 3.2.2. Phương pháp xác định tỷ lệ tạp chất, như sau:

Thiết bị, dụng cụ: Cân kỹ thuật: có độ chính xác tới 0,1 g.

Cách tiến hành:

Lấy khoảng 5 kg mẫu từ mẫu đã lấy, dùng tay để tách riêng các thành phần không phải là giấy. Tiến hành cân ngay khối lượng các thành phần không phải là giấy và phần còn lại của mẫu.

Tính toán kết quả

Tỷ lệ các thành phần không phải là giấy được tính toán theo công thức sau

$$X = a_2 / (a_1 + a_2) \cdot 100$$

Trong đó

X là tỷ lệ khối lượng các thành phần không phải là giấy, tính bằng phần trăm;

a₁ là khối lượng giấy, tính bằng gam;

a₂ là khối lượng các thành phần không phải là giấy tính bằng gam.

- Đề nghị bỏ Khoản 3.2.3. Phương pháp xác định tỷ lệ phế liệu giấy có mã HS khác với mã HS khai báo trong hồ sơ nhập khẩu (quy định tại Mục 2.1.3 dự thảo Quy chuẩn này). Lý do đã trình bày ở phần trên.

- Đề nghị bỏ Khoản 3.2.4. Phương pháp xác định thành phần tạp chất. Vì đã đề nghị bỏ ở trên.

Đề nghị sửa Khoản 3.2.5. Việc xác định độ ẩm trong lô hàng phế liệu giấy nhập khẩu thực hiện theo TCVN 1867:2010 (ISO 287:2009) - Tiêu chuẩn quốc gia về Giấy và các tông - Xác định hàm lượng ẩm của một lô - Phương pháp sấy khô. Đây là phương pháp xác định độ ẩm của sản phẩm (giấy thành phẩm sau quá trình sản xuất), nên không thể áp dụng tiêu chuẩn này để xác định độ ẩm của giấy phế liệu (nguyên liệu đầu vào), đề nghị chỉnh sửa như sau:

Phương pháp xác định độ ẩm

Thiết bị, dụng cụ

- Cân kỹ thuật: có độ chính xác tới 0,1 g;
- Tủ sấy: Có khả năng duy trì được nhiệt độ $(105 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ và có quạt;
- Hộp cân.

Cách tiến hành

Từ mẫu đã lấy lấy khoảng 3 kg mẫu từ mẫu đã lấy, nhanh chóng tiến hành xé mẫu thành các mảnh mẫu có kích thước không lớn hơn 100 mm cho mỗi cách, trộn đều và cân mẫu thử trong hộp cân. Tiến hành cân hai mẫu thử song song, khối lượng của mỗi mẫu thử khoảng 200 g.

Cho mẫu thử vào tủ sấy và tiến hành sấy tại nhiệt độ $(105 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ tới khối lượng không đổi. Mẫu thử được coi là có khối lượng không đổi khi kết quả giữa hai lần cân liên tiếp chênh lệch nhau không quá 0,5g. Thời gian giữa hai lần cân và sấy khô liên tiếp tối thiểu bằng một nửa thời gian sấy khô ban đầu.

Tính toán kết quả

Độ ẩm của mẫu thử được tính theo công thức sau:

$$\text{Độ ẩm (\%)} = (m_0 - m_1)/m_0$$

Trong đó:

m_0 – là khối lượng của mẫu thử trước khi sấy tính bằng gam;

m_1 – là khối lượng mẫu thử được sấy khô tới khối lượng không đổi, tính bằng gam;

Các phương pháp thử cần trình bày cụ thể, đề tất cả các phòng thử nghiệm được chỉ định cùng tiến hành theo một phương pháp. Điều này sẽ dễ cho việc xử lý khi có sự tranh chấp về kết quả thử nghiệm.

Phần 4. Quy định quản lý

Đề nghị bổ sung và chỉnh sửa như sau:

4.1 Các đơn vị nhập khẩu giấy phế liệu làm nguyên liệu thô cho sản xuất giấy và cáctông phải là các đơn vị được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

4.2. Lô hàng giấy phế liệu nhập khẩu vào Việt Nam phải được kiểm tra, giám định, đánh giá sự phù hợp với các quy định kỹ thuật tại Mục 2 của Quy chuẩn này.

4.3. Việc giám định giấy phế liệu nhập khẩu được thực hiện bởi tổ chức giám định do Bộ Tài nguyên Môi trường chỉ định.

4.4. Tổ chức giám định được chỉ định cung cấp hồ sơ vụ giám định lô hàng giấy phế liệu nhập khẩu (chứng thư giám định, các tài liệu và hình ảnh liên quan) cho tổ


chức, cá nhân yêu cầu giám định và gửi lên Công thông tin một cửa quốc gia làm căn cứ để Cơ quan Hải quan thực hiện thủ tục thông quan hoặc xem xét, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Trong đó, nội dung chứng thư giám định phải thể hiện đầy đủ các kết quả về độ ẩm, tỷ lệ khối lượng các thành phần không phải là giấy/tạp chất, hàm lượng các chất nguy hại (có danh mục cụ thể trong phụ lục kèm theo).

Trên đây là góp ý của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam đối với Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với giấy phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (Dự thảo QCVN 33:2021), Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam xin gửi và đề nghị Vụ Pháp chế, Bộ Tài nguyên Môi trường xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VPHH.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
HIỆP HỘI GIẤY VÀ BỘT GIẤY VIỆT NAM**


**PHÓ CHỦ TỊCH
TỔNG THU KÝ
Đặng Văn Sơn**

VI
BỘT
GIẤY